TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **110/2018/KDTM-PT**
Ngày: 30/8/2018
V/v: *Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*

NHÂNDANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Thanh Bình
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Hà Nội

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà***: Bà Trần Thu Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 66/2018/TLPT-KDTM ngày 18 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân quận Long Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 333/2018/QĐ-HPT ngày 15 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Công ty cổ phần S Hà

Địa chỉ trụ sở: Lô XN 46-4 Khu công nghiệp Đ, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Đại diện theo pháp luật: Ông Sohn Byung H

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đình H, theo văn bản ủy quyền ngày 25/6/2018.

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Chamvit Tower, số 117, đường Trần Duy H, phường Trung H, quận Cầu Gi, thành phố Hà Nội.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty cổ phần S Hà Nội: Ông Nguyễn Anh T- Công ty Luật TNHH ĐN thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 25 Huỳnh Thúc K, phường YK, quận HĐ, thành phố Hà Nội

2. ***Bị đơn:*** Công ty cổ phần Đầu tư và xây lắp TA

Địa chỉ trụ sở: Số 116 Vũ Xuân Th, phường Phúc L, quận LB, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức H - Giám đốc (theo Quyết định số 22/QĐ – HĐQT ngày 28/6/2018 về việc bổ nhiệm chức danh quản lý trong Công ty của Tổng công ty TA)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - Phó Giám đốc và bà Đào Thu Tr - nhân viên Ban thu hồi công nợ (theo văn bản ủy quyền số 793/UQ – CTCP 386 ngày 09/7/2018 của Công ty cổ phần Đầu tư và xây lắp TA 386).

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty cổ phần Đầu tư và xây lắp TA 386: Ông Nguyễn Đức Ph - Văn phòng Luật sư BL thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội

3. Người kháng cáo: Công ty cổ phần Đầu tư và xây lắp TA 386.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 19/8/2011, Công ty cổ phần S Hà Nội (gọi tắt là Công ty S) (Bên B, bên bán) và Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp TA 386 (gọi tắt là Công ty TA) (Bên A, bên mua) có ký kết Hợp đồng kinh tế số 70/HĐKT- SILKROAD về việc mua bán Chất phụ gia bê tông (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 70) với nội dung chính như sau:

- Công ty Sbán cho Công ty TA các hàng hóa cụ thể: Roadcon-sae với đơn giá 10.000 đồng/lít, Roadcon - SSA với đơn giá 13.000 đồng/lít và Roadcon-SSA2000 với đơn giá 14.000 đồng/lít; đóng gói 200 lít/phuy, 1.000 lít/thùng; (Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT nhưng đã bao gồm phí vận chuyển trong phạm vi bán kính <100km, đơn giá cho từng sản phẩm có thể được điều chỉnh theo điều 1.2 của Hợp đồng số 70). Hai bên cũng có thỏa thuận về việc mua bán hàng hóa khác với các loại hàng hóa nêu trên theo khoản 1.3 của Hợp đồng số 70. Số lượng chủng loại thời gian giao hàng sẽ tùy vào từng đợt đặt hàng của bên mua. Về điều khoản thanh toán hai bên thỏa thuận tại điều 6 của Hợp đồng số 70, theo đó bên bán xuất hóa đơn và phiếu đề nghị thanh toán cho bên mua thì bên mua có nghĩa vụ thanh toán 100% giá trị Hợp đồng cho bên bán vào trước ngày cuối cùng của tháng tiếp theo. Nếu thanh toán chậm thì phải trả lãi suất trên số ngày chậm thanh toán. Trường hợp có tranh chấp sẽ giải quyết bằng thỏa thuận, nếu không được thì tranh chấp sẽ giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền.

Theo nguyên đơn trình bầy: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty S luôn tuân thủ các quy định đã giao kết trong hợp đồng, cung cấp sản phẩm phụ gia bê tông đủ khối lượng và bảo đảm chất lượng theo đúng yêu cầu của Công ty TA. Tổng giá trị hàng hóa mà Công ty S đã cung cấp và xuất hóa đơn giá trị gia tăng 19 lần cho Công ty TA 386 là 1.278.200.000

đồng. (Một tỷ, hai trăm bẩy mươi tám triệu, hai trăm ngàn đồng). Theo quy định của Hợp đồng, đối với khoản công nợ hàng tháng, Công ty TA 386 phải thanh toán hết cho Công ty S trước ngày cuối cùng của tháng tiếp theo liền kề. Tuy nhiên, ngay từ những tháng đầu tiên (tháng 11/2011), Công ty TA 386 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi chỉ thanh toán cho Công ty S một phần công nợ đến hạn. Kể từ đó đến ngày 09/6/2015, Công ty TA vẫn thực hiện thanh toán nhỏ lẻ mỗi lần từ 20.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng. Từ ngày 10/6/2015 đến nay, Công ty TA 386 ngưng thanh toán công nợ cho S. Tổng số tiền Công ty TA 386 đã thanh toán cho Công ty S là 930.000.000 đồng. (Chín trăm ba mươi triệu đồng). Số tiền nợ gốc mà Công ty TA còn nợ Công ty S là 348.200.000 đồng. Về tiền lãi, thay vì áp dụng mức lãi suất 0,1%/ngày (36,5%/năm) kể từ ngày đến hạn thanh toán như quy định tại Hợp Đồng, Công ty CP S Hà Nội chỉ yêu cầu Công ty TA thanh toán khoản tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005. Tính đến ngày 25/01/2018, tiền lãi chậm trả phát sinh từ hợp đồng kinh tế số 70/HĐKT- SILKROAD ngày 19/8/2011 là 437.595.841 đồng.

Công ty S đã nhiều lần nhắc nhở cũng như có các buổi làm việc yêu cầu Công ty TA thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, Công ty TA không có thiện chí và không thanh toán theo như hợp đồng.

Ngày 13/7/2017 Công ty cổ phần S nộp đơn khởi kiện và ngày 02/8/2017 nộp đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện đối với Công ty TA đến Toà án nhân dân quận Long Biên. Tại tòa sơ thẩm, nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc bị đơn phải thanh toán ngay toàn bộ số tiền nợ gốc là 348.200.000 đồng phát sinh từ Hợp Đồng kinh tế số 70/HĐKT- S ngày 19/8/2011;

- Buộc bị đơn phải thanh toán ngay khoản lãi chậm trả tạm tính đến ngày 25/01/2018 là 437.595.841 đồng và phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi đến thời điểm thanh toán xong toàn bộ nợ gốc cho S Hà Nội.

Tổng số tiền Công ty Silkroad Hà Nội yêu cầu Công ty TA phải thanh toán tạm tính đến ngày 25/01/2018 là 785.795.841 đồng. (Bẩy trăm tám mươi lăm triệu, bẩy trăm chín mươi lăm ngàn, tám trăm bốn mươi mốt đồng).

- Đề nghị Tòa án buộc bị đơn tiếp tục thanh toán tiền lãi trên số nợ gốc chậm thanh toán kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi thanh toán xong.

Đối với Công ty CP đầu tư và xây lắp TA: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân quận Long Biên đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho đại diện theo pháp luật của công ty và thông báo rõ nếu không trực tiếp tham gia tố tụng thì phải ủy quyền hợp pháp. Đại diện theo pháp luật công ty ông Hoàng Hải Nđã ký công văn số 1008/CTCP ngày 24/10/2017 và công văn số 1459/CTCP ngày 02/11/2017 về việc đề nghị Tòa án cho Công ty được sao chụp toàn bộ tài liệu trong hồ sơ vụ án, do các cán bộ nhân viên trực tiếp theo dõi công nợ với Silkroad đã chuyển công tác, hồ sơ lưu trữ bị thất lạc. Đồng thời ông Hoàng Hải N cũng ký văn bản số 1496/UQ-CTCP386 ngày 07/11/2017 Giấy ủy quyền, nội dung ủy quyền cho bà Đào Thu Tr đến Tòa án nhân dân quận Long

Biên làm việc theo thông báo về việc nhận tài liệu của Tòa án. Giấy ủy quyền

có hiệu lực từ khi ký cho đến khi hoàn thành xong công việc được ủy quyền. Tại thông báo số 01/TB-TA ngày 30/10/2017, Tòa án đã thông báo rõ công ty cử đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng, nếu vắng mặt thì chịu hậu quả của việc vắng mặt, mọi yêu cầu phản tố phải đưa ra trước thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Mặc dù nhận được thông báo nhưng Công ty TA không trực tiếp và không ủy quyền hợp pháp cho người khác tham tố tụng, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không có quan điểm chính thức về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Tr có gửi theo đường bưu điện văn bản Đơn trình bầy quan điểm, gửi dấu bưu điện 12/12/2017, đến Tòa án ngày 18/12/2017 với nội dung thời hiệu khởi kiện đã hết, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty S. Văn bản này gửi đến Tòa án không kèm theo văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của bị đơn.

Bản án sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân quận Long Biên đã xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S Hà Nội đối với bị đơn Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp TA. Buộc bị đơn Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp TA phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần S Hà Nội tổng số tiền mua hàng hóa còn nợ tính đến ngày 25/01/2018 là **785.795.841** đồng (Bẩy trăm tám mươi lăm triệu, bẩy trăm chín mươi lăm ngàn, tám trăm bốn mươi mốt đồng); trong đó: Nợ gốc là **348.200.000** đồng (Ba trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm ngàn đồng); nợ lãi chậm trả tính đến 25/01/2018 là **437.595.841** đồng (bốn trăm ba mươi bẩy triệu, năm trăm chín mươi lăm ngàn, tám trăm bốn mươi một đồng).

Kể từ ngày 26/01/2018, Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp TA tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 BLDS 2015 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc cho Công ty CP S Hà Nội.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12 tháng 3 năm 2018 Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp TA kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Đào Thu Tr không được Tòa án cấp sơ thẩm đưa vào tham gia tố tụng; thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết, công ty đã có văn bản đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không được Tòa án sơ thẩm chấp nhận; Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là không đảm bảo về tính pháp lý, không đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn; sau khi ký kết và thực hiện hợp đồng các bên chưa có thỏa thuận ký kết hợp đồng mới thì Hợp đồng kinh tế số 70/HĐKT- SILKROAD mặc nhiên được thanh lý và công ty không còn nghĩa vụ thanh toán.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn Th đại diện theo uỷ quyền của Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp TA vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt người đại diện theo pháp luật, đại diện theo ủy quyền của Công ty TA, chưa tiến hành các thủ tục cần thiết là không đảm bảo về tính pháp lý và quyền lợi hợp pháp của bị đơn.

+ Về căn cứ áp dụng thời hiệu khởi kiện: Bảng đối chiếu công nợ ngày 31/8/2012 giữa hai công ty đã ký kết, số tiền còn lại là 530.200.000 đồng có chữ ký khách hàng, đóng dấu của công ty TA, dấu chức danh giám đốc Nguyễn Chí D, Công ty cổ phần S Hà Nội là tổng giám đốc LE CHOONHG W. Đây là tài liệu duy nhất thể hiện việc chốt công nợ giữa hai bên, bỏ qua nội dung mà chỉ dựa trên mốc thời gian biên bản, tính theo thời hiệt khởi kiện Bộ luật TTDS 2015 mà theo Bộ luật TTDS 2015 thì đến tháng 8/2015 thời hiệu khởi kiện đã hết. Căn cứ theo Hợp đồng kinh tế số 70/HĐKT – S ký ngày 19/8/2011 giữa các bên, tại Điều 10 mục 10.1 quy định về hiệu lực và số bản của hợp đồng: "Hợp đồng này có hiệu lực trong vòng 1 năm kể từ ngày ký. Nếu sau ngày hết hạn hợp đồng, các bên chưa có thỏa thuận ký kết Hợp đồng mới thì Hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý". Do vậy, đến cuối năm 2012 khi hai bên không ký sửa đổi, bổ sung hoặc hợp đồng mới thì hợp đồng nêu trên được xác định đã thanh lý. Các hóa đơn thanh toán bán hàng của năm 2013 đều ghi bán hàng qua điện thoại, không thuộc trường hợp mua bán hàng trong hợp đồng này, nên các lần thanh toán tiền hàng từ năm 2013 không thể được xác định là sự chấp nhận của Công ty TA đối với nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng đã ký giữa hai công ty. Công ty cổ phần S nộp đơn khởi kiện tại Tòa án cấp sơ thẩm ngày 13/7/2017, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án ngày 02/10/2017. Như vậy thời gian đã kéo dài 5 năm, đã hết thời hiệu khởi kiện.

+ Căn cứ xác định nghĩa vụ trả nợ của Công ty TA: Theo quy định tại Điều 2, Điều 4 mục 4.1 của hợp đồng xác định việc mua bán phải có đơn hàng do bên mua chuyển, đơn này là bộ phận không thể tách rời hợp đồng kinh tế này. Tại Điều 4, mục 4.5 Hợp đồng xác định rõ bên mua phải cử người đại diện nhưng hai bên không chỉ ra người đại diện là ai, do vậy chỉ có thể chấp nhận khi giám đốc Công ty TA ký xác nhận vào biên bản giao nhận, biên bản chốt khối lượng hàng và các tài liệu khác. Hồ sơ vụ án không có các tài liệu này. Tại Điều 6 Hợp đồng quy định thì hồ sơ mua bán phải thể hiện các văn bản, tài liệu (về việc hai bên chốt số lượng giao hàng vào cuối tháng; hóa đơn bán hang hợp pháp; phiếu đề nghị thanh toán), nhưng trong hồ sơ khởi kiện không hề có các tài liệu này.

Như vậy, xác định hồ sơ khởi kiện không đủ căn cứ xác định việc thực hiện hợp đồng giữa hai công ty. Bên nguyên đơn chỉ dựa vào các hóa đơn đã phát hành cho bị đơn ngoài ra không có tài liệu thể hiện quá trình thực hiện hợp đồng và biên bản đối chiếu công nợ giữa hai công ty cùng các bảng kê, phiếu thông tin chuyển tiền từ ngân hàng do Công ty S tự mình lập ra. Các tài liệu trên không đủ giá trị chứng minh việc thực hiện hợp đồng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm Đình chỉ giải quyết vụ án vì hết thời hiệu khởi kiện, không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Hà Nội.

Công ty cổ phần S Hà Nội giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày:

Sau khi hai bên ký hợp đồng Công ty S luôn tuân thủ các quy định đã giao kết trong hợp đồng, cung cấp đủ khối lượng và bảo đảm chất lượng theo đúng yêu cầu của Công ty TA. Tổng giá trị hàng hóa mà Công ty S đã cung cấp và xuất hóa đơn giá trị gia tăng 19 lần cho Công ty TA là 1.278.200.000 đồng. (Một tỷ, hai trăm bẩy mươi tám triệu, hai trăm ngàn đồng). Theo quy định của Hợp đồng, đối với khoản công nợ hàng tháng, Công ty TA phải thanh toán hết cho Công ty S trước ngày cuối cùng của tháng tiếp theo liền kề. Tuy nhiên, Công ty TA đã vi

phạm nghĩa vụ thanh toán khi chỉ thanh toán cho Công ty S một phần công nợ đến hạn. Từ ngày 10/6/2015 đến nay, Công ty TA ngưng thanh toán công nợ cho Công ty S. Tổng số tiền Công ty TA đã thanh toán cho Công ty S là 930.000.000 đồng. (Chín trăm ba mươi triệu đồng), còn nợ Công ty S là 348.200.000 đồng. Về tiền lãi, Công ty CP S Hà Nội chỉ yêu cầu Công ty TA thanh toán khoản tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005. Thay vì yêu cầu tính lãi chậm trả phát sinh từ hợp đồng kinh tế số 70/HĐKT- S ngày 19/8/2011 là 437.595.841 đồng như tại cấp sơ thẩm, Công ty S chỉ yêu cầu Công ty TA thanh toán khoản tiền lãi chậm thanh toán là 140.498.700 đồng *(một trăm bốn mươi triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn, bẩy trăm đồng)*.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo nộp trong thời hạn kháng cáo, người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đúng quy định. Tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm kéo dài so với quy định tại Điều 286 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về các nội dung kháng cáo: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền nợ gốc, việc Công ty S rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi chậm trả của Công ty TA là không trái với quy định của pháp luật, có lợi cho Công ty TA nên được chấp nhận. Bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi trên số nợ gốc chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 BLDS 2015. Bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm do sửa bản án sơ thẩm .

Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của Công ty S rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất chậm thanh toán đối với Công ty TA.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đơn kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên là kháng cáo hợp lệ.

Sau khi xét xử sơ thẩm chỉ có Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp TA kháng cáo. Tại giai đoạn tiến hành tố tụng vụ án theo trình tự phúc thẩm, ông Nguyễn Văn Th xuất trình Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần 11) ngày 05/7/2018 thể hiện đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp TA là ông Nguyễn Đức H - Giám đốc, và giấy ủy quyền số 793/UQ-CTCP 386 ngày 09/7/2018 về việc ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Th - Phó Giám đốc và bà Đào Thu Tr - nhân viên Ban thu hồi công nợ tham gia tố tụng giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm là đúng quy định nên được chấp nhận. Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo:

- Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn đã khởi kiện trong hạn luật định. Hai bên có chốt nợ và bị đơn thanh toán lần cuối vào ngày 09/6/2015. Theo Điều 9 của Hợp đồng số 70 thì mọi tranh chấp trước tiên sẽ giải quyết bằng thương lượng, sau mới giải quyết tại Tòa án. Hai bên vẫn có quá trình trao đổi công văn giấy tờ về khoản nợ, bị đơn vẫn đề nghị bên nguyên đơn gửi tài liệu để cùng nhau đối chiếu công nợ vì sổ sách bên mua hàng bị thất lạc khi chuyển cơ sở làm việc. Chỉ sau khi nhận thấy bên mua hàng thực sự không có thiện chí thì Công ty S xác định quyền lợi ích của mình bị xâm phạm và thực hiện việc khởi kiện đến Tòa án. Căn cứ vào Điều 184, Điều 185 BLTTDS năm 2015; Điều 157, Điều 429, khoản 1 Điều 688 BLDS năm 2015 thì vụ án được bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện vào ngày 09/6/2015, thời hiệu khởi kiện về hợp đồng là 03 năm.

- Xét Hợp đồng kinh tế số 70/HĐKT- S về việc mua bán Chất phụ gia bê tông hai bên ký ngày 19/8/2011: Chủ thể ký kết hợp đồng đúng theo quy định của pháp luật, nội dung của hợp đồng không trái với quy định của pháp luật dân sự và luật Thương mại. Quá trình thực hiện hợp đồng cũng như quá trình tố tụng tại Tòa án không bên nào khiếu nại về chất lượng, số lượng hàng hóa do bên bán cung cấp nên hợp đồng có hiệu lực đối với các bên.

Tổng giá trị khối lượng công việc mà Công ty S đã cung cấp và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty TA là 1.278.200.000 đồng. Số tiền mà Công ty TA đã thanh toán cho Công ty S tính đến thời điểm khởi kiện là 930.000.000 (chín trăm ba mươi triệu) đồng. Số tiền nợ gốc mà Công ty TA còn nợ Công ty S là 348.200.000 (ba trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm nghìn) đồng.

Khi thực hiện giao dịch mua bán, do đặc thù việc đặt hàng và giao nhận hàng hóa tại trạm trộn của Công ty TA nên Công ty TA không chủ động xác định tên cá nhân sẽ thực hiện việc đặt hàng và giao nhận hàng hóa mà tùy vào tình hình thực tế tại trạm trộn của Công ty TA. Do vậy, Công ty TA cũng không điền tên đích danh một cá nhân nào vào Điều 4.5 trong Hợp Đồng. Trên thực tế, trong suốt quá trình mua bán, các cá nhân đại diện Công ty TA thực hiện việc giao nhận hàng hóa là: ông Nguyễn Anh T; ông Hoàng Văn T; ông Nguyễn Việt C; ông Trần Tiến C (như thể hiện tại hồ sơ giao nhận hàng hóa). Sau này, khi thực hiện thống kê và đối chiếu công nợ, đại diện theo pháp luật của Công ty TA là ông Nguyễn Chí D cũng đã xác nhận toàn bộ quá trình mua bán hàng hóa và số liệu công nợ giữa hai bên.

Theo quy định về thời hạn thanh toán tại Điều 6.1 của Hợp đồng thì sau khi có số liệu về số lượng hàng hóa mỗi tháng, Công ty S sẽ xuất hóa đơn VAT và Công ty TA có nghĩa vụ thanh toán 100% giá trị cho Công ty S vào trước ngày cuối cùng của tháng tiếp theo. Việc thanh toán có thể được thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Bên B. Như vậy, Công ty S và Công ty TA đã thỏa thuận rất rõ ràng trong Hợp Đồng về thời hạn thanh toán, hoàn toàn phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại 2005 về thanh toán: "*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận*", thỏa thuận này của Công ty S và Công ty TA cũng không trái với các quy định khác của pháp luật.

Việc xác định giá trị thanh toán và thời hạn thanh toán đều được căn cứ theo

các Hóa đơn giá trị gia tăng mà Công ty S đã xuất. Đây là căn cứ chính xác để xác định trách nhiệm thanh toán khoản công nợ của Công ty TA đối với Công ty S. Nên yêu cầu khởi kiện của Công ty S đối với Công ty TA phải thực hiện việc thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 348.200.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Tại cấp phúc thẩm, thay vì yêu cầu tính lãi chậm trả phát sinh từ hợp đồng kinh tế số 70/HĐKT- S ngày 19/8/2011 là 437.595.841 đồng như tại cấp sơ thẩm, Công ty S chỉ yêu cầu Công ty TA thanh toán khoản tiền lãi chậm thanh toán là 140.498.700 đồng *(một trăm bốn mươi triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn, bẩy trăm đồng)*. Việc Công ty S rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi chậm trả của Công ty TA là không trái với quy định của pháp luật, có lợi cho Công ty TA nên được chấp nhận.

Đối với kháng cáo của Công ty TA với lý do người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Đào Thu Tr không được Tòa án cấp sơ thẩm đưa vào tham gia tố tụng; Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là không đảm bảo về tính pháp lý, không đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho đại diện theo pháp luật của công ty. Đại diện theo pháp luật Công ty TA ông Hoàng Hải N đã ký công văn số 1008/CTCP ngày 24/10/2017 và công văn số 1459/CTCP ngày 02/11/2017 về việc đề nghị Tòa án cho Công ty được sao chụp toàn bộ tài liệu trong hồ sơ vụ án, do các cán bộ nhân viên trực tiếp theo dõi công nợ với S đã chuyển công tác, hồ sơ lưu trữ bị thất lạc. Đồng thời ông Hoàng Hải N cũng ký văn bản số 1496/UQ-CTCP386 ngày 07/11/2017 Giấy ủy quyền, nội dung ủy quyền cho bà Đào Thu Tr đến Tòa án nhân dân quận Long Biên làm việc theo thông báo về việc nhận tài liệu của Tòa án. Giấy ủy quyền có hiệu lực từ khi ký cho đến khi hoàn thành xong công việc được ủy quyền, Như vậy nội dung ủy quyền chỉ ủy quyền cho bà Tr nhận tài liệu của Tòa án và sao chụp tài liệu trong hồ sơ vụ án chứ không ủy quyền cho bà Tr tham gia tố tụng trong toàn bộ quá trình tố tụng do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Tr tham gia Tố tụng là có căn cứ. Tại thông báo số 01/TB-TA ngày 30/10/2017, Tòa án đã thông báo cho Công ty TA cử đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng, nếu vắng mặt thì chịu hậu quả của việc vắng mặt.

Mặc dù nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng Công ty TA không tham tố tụng, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không tham gia phiên Tòa, vắng mặt không có lý do nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 148; Khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 184, Điều 185 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 157, Điều 429, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 50 và Điều 306 Luật thương mại;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 148, Bộ luật tố tụng dân sự;

C¨n cø vµo Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

Sửa Bản án sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày25 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S Hà Nội đối với bị đơn Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp TA về việc Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa.

Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp TA phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần S Hà Nội tổng số tiền mua hàng hóa còn nợ tính đến ngày 25/01/2018: nợ gốc là **348.200.000** đồng (ba trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm ngàn đồng), nợ lãi chậm trả tính đến ngày 25/01/2018 là **140.498.700** đồng (một trăm bốn mươi triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn, bẩy trăm đồng).

2. Kể từ ngày 26/01/2018, Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp TA tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo quy định tại Điều 440 BLDS 2015 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc cho Công ty CP S Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp TA không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm do sửa bản án sơ thẩm. Hoàn trả Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp TA số tiền 2.000.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0234 ngày 27/03/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội. Công ty CP đầu tư và xây lắp TA phải chịu 23.548.000 đồng (Hai mươi ba triệu, nam trăm bốn mươi tám ngàn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả nguyên đơn Công ty CP S Hà Nội 11.418.000 đồng (Mười một triệu, bốn trăm mười tám ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí KDTM mà công ty đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên theo biên lai số 6012 ngày 27/9/2017.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND T/P Hà Nội;
- TAND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Bình

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Toà án nhân dân quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Bình

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày tại phiên tòa:

- Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn đã khởi kiện trong hạn luật định. Hai bên có chốt nợ và bị đơn thanh toán lần cuối vào ngày 09/6/2015. Theo Điều 9 của Hợp đồng số 70 thì mọi tranh chấp trước tiên sẽ giải quyết bằng thương lượng, sau mới giải quyết tại Tòa án. Hai bên vẫn có quá trình trao đổi công văn giấy tờ về khoản nợ, bị đơn vẫn đề nghị bên nguyên đơn gửi tài liệu để cùng nhau đối chiếu công nợ vì sổ sách bên mua hàng bị thất lạc khi chuyển cơ sở làm việc. Chỉ sau khi nhận thấy bên mua hàng thực sự không có thiện chí thì bên Công ty Silkroad xác định quyền lợi ích của mình bị xâm phạm và thực hiện việc khởi kiện đến Tòa án. Căn cứ vào Điều 157, Điều 429, khoản 1 Điều 688 BLDS năm 2015 quy định về điều khoản chuyển tiếp đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày BLDS 2015 có hiệu lực thì trong vụ án này, việc xác định thời hiệu vẫn được áp dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015.

- Về yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ: Tổng giá trị khối lượng công việc mà Công ty Silkroad đã cung cấp và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty Thành An 386 là 1.278.200.000 đồng. Số tiền mà Công ty Thành An 386 đã thanh toán cho Công ty Silkroad tính đến thời điểm này là 930.000.000 VND. Số tiền nợ gốc mà Công ty Thành An 386 còn nợ Công ty Silkroad là 348.200.000 VND.

Khi thực hiện giao dịch mua bán, do đặc thù việc đặt hàng và giao nhận hàng hóa tại trạm trộn của Công ty Thành An 386 nên Công ty Thành An 386 không chủ động xác định tên cá nhân sẽ thực hiện việc đặt hàng và giao nhận hàng hóa mà tùy vào tình hình thực tế tại trạm trộn của Công ty Thành An 386. Do vậy, Công ty Thành An 386 cũng không điền tên đích danh một cá nhân nào vào Điều 4.5 trong Hợp Đồng. Trên thực tế, trong suốt quá trình mua bán, các cá nhân đại diện Công ty Thành An 386 thực hiện việc giao nhận hàng hóa là: ông Nguyễn Anh Tuấn; ông Hoàng Văn Toán; ông Nguyễn Việt Cường; ông Trần Tiến Cường (như thể hiện tại hồ sơ giao nhận hàng hóa). Sau này, khi thực hiện thống kê và đối chiếu công nợ, đại diện theo pháp luật của Thành An 386 là ông Nguyễn Chí Dũng cũng đã xác nhận toàn bộ quá trình mua bán hàng hóa và số liệu công nợ giữa hai bên.

Có thể nói giữa Công ty Thành An 386 và Công ty Silkroad đã xác lập một thói quen mua bán hàng hóa mà cụ thể ở đây là việc đặt hàng, giao hàng và xác nhận công nợ. Cho đến nay, Công ty Thành An 386 không có bất kỳ khiếu nại nào về chất lượng, số lượng hay quy cách của hàng hóa mà Công ty Silkroad cung cấp. Công ty Silkroad cũng đã xuất và kê khai đầy đủ hóa đơn VAT liên quan đến việc bán hàng cho Công ty Thành An 386. Vì vậy, Công ty Thành An 386 phải chịu trách nhiệm thanh toán các khoản công nợ theo các hóa đơn mà Công ty Silkroad

đã xuất.

Theo quy định về thời hạn thanh toán tại Điều 6.1 của Hợp đồng thì sau khi có số liệu về số lượng hàng hóa mỗi tháng, Công ty Silkroad sẽ xuất hóa đơn VAT và Công ty Thành An 386 có nghĩa vụ thanh toán 100% giá trị cho Công ty Silkroad vào trước ngày cuối cùng của tháng tiếp theo. Việc thanh toán có thể được thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Bên B. Như vậy, Công ty Silkroad và Công ty Thành An 386 đã thỏa thuận rất rõ ràng trong Hợp Đồng về thời hạn thanh toán, hoàn toàn phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại 2005 về thanh toán: "*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận*", thỏa thuận này của Công ty Silkroad và Công ty Thành An 386 cũng không trái với các quy định khác của pháp luật.

Việc xác định giá trị thanh toán và thời hạn thanh toán đều được căn cứ theo các Hóa đơn giá trị gia tăng mà Công ty Silkroad đã xuất. Đây là căn cứ chính xác nhất để xác định trách nhiệm thanh toán khoản công nợ của Công ty Thành An 386 đối với Công ty Silkroad. Trên thực tế, Công ty Thành An 386 liên tục vi phạm về thời hạn thanh toán (số liệu về thời gian chậm thanh toán được thể hiện tại Bản trình về yêu cầu tính lãi chậm thanh toán) nên hiện nay Công ty Silkroad khởi kiện yêu cầu Công ty Thành An 386 thực hiện thanh toán ngay số nợ gốc còn lại là 348.200.000 VND là hoàn toàn có căn cứ.

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**